

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 25-10-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp PL, xã PT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp SS, xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà và ông K chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới, có D ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1997. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình cha, mẹ chồng

tại ấp SS, xã AT. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông K thường đi uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bà, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Bà tự về nhà cha, mẹ bà tại ấp PL, xã PT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh sống từ năm 2013 và vợ chồng tự sống ly thân đến nay. Năm 2016, bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, sau đó rút đơn lại nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ lại được. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung gồm:

Nguyễn Thị Cẩm A, sinh năm 1991;

Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1996;

Nguyễn Hải D, sinh ngày 31-5-2004.

Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Cháu A, cháu B đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn K. Cho bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Cháu A, cháu B đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 31-5-2004; ghi nhận bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K chung sống với nhau vào năm 1990, có D ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1997. Do đó, hôn nhân của bà T và ông K là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay bà T yêu cầu được ly hôn ông K. Ông K không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T. Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K đến Tòa án để tham gia tố tụng; cán bộ Tòa án kết hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà ông K để ghi lời khai ông K nhưng ông K vẫn không khai, không có ý kiến với yêu cầu của bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng bà T, ông K có xảy ra mâu thuẫn và bà T đã về nhà cha, mẹ bà tại ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh sống đến nay khoảng 06 năm. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Hôn nhân của bà T và ông K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Cẩm A, sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 31-5-2004 đang theo sống với bà T, bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D; cháu D cũng có nguyện vọng theo sống với bà T. Vì vậy, có căn cứ giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, ghi nhận bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn K.

Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung:

Cháu Nguyễn Thị Cẩm A, sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao bà Nguyễn Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 31-5-2004.

Ghi nhận bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016803 ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho bà T, ông K biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã PT;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Dũng